CHÙA ĐẠI NHẬT NHƯ LAI
MAHA VAIROCANA BUDDHIST TEMPLE
1631 S. White Rd San Jose, CA 95127
(408) 649-0879

BẢNG SAO HẠN ẤT TỴ 2025

TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN
11	Ất Mùi 2015	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	26	Canh Thìn 2000	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	41	Ất Sửu 1985	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền
12	Giáp Ngọ 2014	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	27	Kỷ Mẹo 1999	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	42	Giáp Tý 1984	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương
13	Qúy Tỵ 2013	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	28	Mậu Dần 1998	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	43	Quí Hợi 1983	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
14	Nhâm Thìn 2012	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	29	Đinh Sửu 1997	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	44	Nhâm Tuất 1982	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
15	Tân Mão 2011	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	30	Bính Tý 1996	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	45	Tân Dậu 1981	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
16	Canh Dần 2010	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	31	Ất Hợi 1995	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	46	Canh Thân 1980	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
17	Kỷ Sửu 2009	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	32	Giáp Tuất 1994	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	47	Kỷ Mùi 1979	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
18	Mậu Tý 2008	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	33	Quý Dậu 1993	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	48	Mậu Ngọ 1978	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
19	Đinh Hợi 2007	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	34	Nhâm Thân 1992	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Đia Võng Địa Võng	49	Đinh Tỵ 1977	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
20	Bính Tuất 2006	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	35	Tân Mùi 1991	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	50	Bính Thìn 1976	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền
21	Ất Dậu 2005	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	36	Canh Ngọ 1990	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	51	Ất Mẹo 1975	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương
22	Giáp Thân 2004	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	37	Kỷ Tỵ 1989	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	52	Giáp Dần 1974	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
23	Quý Mùi 2003	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	38	Mậu Thìn 1988	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	53	Quý Sửu 1973	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
24	Nhâm Ngọ 2002	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	39	Đinh Mẹo 1987	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	54	Nhâm Tý 1972	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
25	Tân Tỵ 2001	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	40	Bính Dần 1986	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	55	Tân Hợi 1971	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh

CHÙA ĐẠI NHẬT NHƯ LAI
MAHA VAIROCANA BUDDHIST TEMPLE
1631 S. White Rd San Jose, CA 95127
(408) 649-0879

BẢNG SAO HẠN ẤT TỴ 2025

TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN
56	Canh Tuất 1970	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	71	Ất Mùi 1955	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	86	Canh Thìn 1940	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương
57	Kỷ Dậu 1969	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	72	Giáp Ngọ 1954	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	87	Kỷ Mẹo 1939	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
58	Mậu Thân 1968	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	73	Quý Tỵ 1953	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	88	Mậu Dần 1938	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
59	Đinh Mùi 1967	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	74	Nhâm Thìn 1952	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	89	Đinh Sửu 1937	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
60	Bính Ngọ 1966	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	75	Tân Mẹo 1951	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	90	Bính Tý 1936	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
61	Ất Tỵ 1965	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	76	Canh Dần 1950	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	91	Ất Hợi 1935	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
62	Giáp Thìn 1964	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	77	Kỷ Sửu 1949	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	92	Giáp Tuất 1934	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
63	Quý Mẹo 1963	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	78	Mậu Tý 1948	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	93	Quý Dậu 1933	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
64	Nhâm Dần 1962	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	79	Đinh Hợi 1947	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La	94	Nhâm Thân 1932	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
65	Tân Sửu 1961	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	80	Bính Tuất 1946	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	95	Tân Mùi 1931	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương
66	Canh Tý 1960	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	81	Ất Dậu 1945	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	96	Canh Ngọ 1930	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
67	Kỷ Hợi 1959	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	82	Giáp Thân 1944	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	97	Kỷ Tỵ 1929	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
68	Mậu Tuất 1958	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	83	Quý Mùi 1943	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	98	Mậu Thìn 1928	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
69	Đinh Dậu 1957	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	84	Nhâm Ngọ 1942	Nam: Thuỷ Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	99	Đinh Mẹo 1927	Nam: Mộc Đức Nữ: Thuỷ Diệu	Tam Kheo Thiên Tinh
70	Bính Thân 1956	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	85	Tân Tỵ 1941	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	100	Bính Dần 1926	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Ngũ Mộ Ngũ Mộ